

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/06/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+PVD8+P9	7:25	15+0+1	0+0+0		16+2+3	0+0+0	
2		PBDA+RP2+RC10	7:25	16+3+0	0+0+0		12+5+3	0+0+0	
3		PBDA+BK10+PPD	9:25	11+4+3	0+0+0		8+0+14	0+0+0	
4		SAVR+P7+BK6	9:25	11+0+3	0+0+0		13+5+3	0+0+0	
5		P8+CTK3+BK9+ RP9	11:25	5+12+1+ 1	0+0+0		2+19+1+ 1	0+0+0	BN RP9

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: SAVR - PVD8 - P9	CREW: QVIỆT - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01	VNHS FLIGHT: NB26/0159		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐĂNG HÙNG	SAVR	86-87	2	16	2	16	59	DMC-MI	Vietnamese
2	DO VAN BACH	SAVR	83	1	14			63	DMC-MI	Vietnamese
3	TRAN VAN LAI	SAVR	81-82	2	13			62	DMC-MI	Vietnamese
4	NGUYỄN CAO TRUNG	SAVR	90	1	10			60	PVD LOGGING	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH HIẾU	SAVR	94-95	2	19			83	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG NGOC	SAVR	88-89	2	17			69	BAKER HUGHES	Vietnamese
7	DINESH DAVID PILLAI	SAVR	93	1	15			92	BAKER HUGHES	Indian
8	ISPERIZON ISPERIZON	SAVR	84-85	2	18			72	BAKER HUGHES	Indonesian
9	NIYATI ISSARAPREEDA	SAVR	79-80	2	19			72	BAKER HUGHES	Thailand
10	ĐINH TRẦN ĐỨC TRÍ	SAVR	96-97	2	16			62	BAKER HUGHES	Vietnamese
11	TOLSTYKH ANDREI	SAVR	74-75	2	18			74	AMHGP	Russian
12	KRUPIN VLADISLAV	SAVR	78	1	15			90	AMHGP	Russian
13	SOROKACH VLADIMIR	SAVR	91-92	2	14			86	AMHGP	Russian
14	RODNIKOV STANISLAV	SAVR	72-73	2	11			73	AMHGP	Russian
15	NIKITIN SERGEI	SAVR	76-77	2	14			75	AMHGP	Russian
16	ĐỖ LÊ NGỌC HOÀNG	P9	46-47	2	14	2	22	53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	15	1.092	26	229	2	16	16		
2	PVD8	0	0	0	0	0	0	2		
3	P9	1	53	2	14	2	22	3		
TOTAL		16	1.145	28	243	4	38	21		
WEIGHT KG			1.145		243		38			

GRAND TOAL: 1.426 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO: PBDA - RP2 - RC10	CREW: LINH - SON - QTRƯỜNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02	VNHS FLIGHT: TM26/2458		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HUANG XIANGHUA	PBDA	83-84	2	22			105	YUANCHEN G	Chinese
2	LIU BIN	PBDA	81	1	6	1	20	69	YUANCHEN G	Chinese
3	WU XIANG	PBDA	70-71	2	10			66	YUANCHEN G	Chinese
4	KARPUNIN ALESEY	PBDA	77	1	16	1	21	100	KHOAN	Russian
5	VÕ HỒNG QUÝ	PBDA	76	1	17			53	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM LÊ TRƯỜNG SƠN	PBDA	68-69	2	19			74	AMHTP	Vietnamese
7	NGUYEN DANG NGUYEN	PBDA	75	1	10			73	AMHTP	Vietnamese
8	KIMAKOVSKII MAKSIM	PBDA	86	1	8			95	AMHTP	Russian
9	IBATOV ROMAN	PBDA	73	1	15			91	AMHTP	Russian
10	BASHKIN ALEKSANDR	PBDA	79	1	3			94	AMHTP	Russian
11	SOLOVEV MIKHAIL	PBDA	85	1	8			78	AMHTP	Russian
12	KUMBA ZHAN ROBER	PBDA	74	1	5			92	AMHTP	Russian
13	FEDORCHENKO EVGENY	PBDA	80	1	13			81	AMHTP	Russian
14	TELESHENKO	PBDA	72	1	19			100	KHOAN	Russian
15	NGUYỄN HỒNG QUẢNG	RP2	43-44	2	9			65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU MẠNH	RP2	47	1	7	2	35	74	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
17	PHAN ĐÌNH KIÊN	RP2	48-49	2	13			57	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
18	NGUYEN VAN VIET	RP2	42	1	11			79	XAY LAP	Vietnamese
19	TRAN TUAN ANH	RP2	45-46	2	22			68	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	14	1.171	17	171	2	41	12		
2	RP2	5	343	8	62	2	35	5		
3	RC10	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		19	1.514	25	233	4	76	20		
WEIGHT KG			1.514		233		76			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: PBDA - BK10 - PPD	CREW: QVIỆT - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03	VNHS FLIGHT: TM26/2456		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KICHEV ALEXEY	PBDA	64-65	2	8			73	AMHTP	Russian
2	BOIKO ANATOLII	PBDA	63	1	11			76	AMHTP	Russian
3	ISKORNEV VIKTOR	PBDA	49-51	2	18			130	AMHTP	Russian
4	AKSENOV EVGENII	PBDA	66-67	2	7			97	AMHTP	Russian
5	POPOV MAKSIM	PBDA	52-53	2	10			118	AMNGR	Russian
6	BURAVOV VALERII	PBDA	45-46	2	12			78	AMHTP	Russian
7	STARODUBTSEV ALEKSEI	PBDA	61	1	8	1	16	63	AMHTP	Russian
8	PHAM CAO MINH	PBDA	54-55	2	8			88	VTEPCO	Vietnamese
9	LE HUY DIEP	PBDA	56-57	2	14			55	VTEPCO	Vietnamese
10	DO TRONG HIEN	PBDA	47-48	2	16			66	DVL	Vietnamese
11	MURAVEV OLEG	PBDA	58-59	2	12			94	AMNGR	Russian
12	NGUYEN TAN VUONG	BK10	05-06	2	16			75	DUY LINH	Vietnamese
13	TRAN VAN TU	BK10	41	1	8	2	38	64	DUY LINH	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG TAM	BK10	09	1	6			80	DUY LINH	Vietnamese
15	TRẦN DUY PHƯƠNG	BK10	07	1	8			76	DUY LINH	Vietnamese
16	TRƯƠNG NGỌC LINH	PPD	63	1	8	3	43	71	QUYẾT THẮNG	Vietnamese
17	VŨ QUANG HẢO	PPD	64	1	7	2	33	84	QUYẾT THẮNG	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG HIẾU	PPD	62	1	13			57	QUYẾT THẮNG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	11	938	20	124	1	16	8		
2	BK10	4	295	5	38	2	38	0		
3	PPD	3	212	3	28	5	76	14		
TOTAL		18	1.445	28	190	8	130	22		
WEIGHT KG			1.445		190		130			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: SAVR - P7 - BK6	CREW: LINH - SON - QTRƯỜNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/2459	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ZAPOLSKIKH ANTON	SAVR	34-35	2	12			103	AMHTP	Russian
2	KRAVTSOV VLADISLAV	SAVR	84	1	6			99	AMHTP	Russian
3	KARIMOV ILNUR	SAVR	86	1	13			73	AMHTP	Russian
4	KOLPAK VLADIMIR	SAVR	29-30	2	16			102	AMHTP	Russian
5	IAKANIN IAROSLAV	SAVR	87	1	6			81	AMHTP	Russian
6	BOGOMOLOV EVGENII	SAVR	36,800	2	13			92	AMHTP	Russian
7	AREFEV ANDREI	SAVR	28	1	11			103	AMHTP	Russian
8	ZINNATULLIN AZAT	SAVR	25-27	3	12			69	AMHTP	Russian
9	DZORTOV SALAM	SAVR	33	1	12			105	AMHTP	Russian
10	GAVRILOV SERGEI	SAVR	85-86	2	12			115	AMHTP	Russian
11	GAINETDINOV RUSLAN	SAVR	31-32	2	12			76	AMHTP	Russian
12	TRẦN QUỐC TOÀN	BK6	900	1	16			95	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LỘC	BK6	24	1	13	3	60	61	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN KHÁ	BK6	67-68	2	22			67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	11	1.018	18	125	0	0	13		
2	P7	0	0	0	0	1	20	5		
3	BK6	3	223	4	51	3	60	3		
TOTAL		14	1.241	22	176	4	80	21		
WEIGHT KG			1.241		176		80			

GRAND TOAL: 1.497 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGO VĂN LINH
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
B.CARD: TRANG-3	TO: P8 - CTK3 - BK9 - RP1	CREW: LINH - MTHAO - THÀNH	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 05	VNHS FLIGHT: TM26/2460		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ QUANG VINH	P8	42-43	2	16			78	XAYLAP	Vietnamese
2	QUÁCH XUÂN THƯƠNG	P8	45-46	2	19	2	33	74	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN KIM THẮNG	P8	39-40	2	14	1	28	60	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ THẾ GIÁP	P8	41	1	15			66	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN ĐOÀN	P8	44	1	19			76	XAYLAP	Vietnamese
6	NGÔ SỸ TRINH	CTK3	78-79	2	13			58	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU MINH	CTK3	73-74	2	14			59	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
8	TRẦN DUY THẾ	CTK3	84	1	10			70	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN SƠN	CTK3	75	1	10			57	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
10	LÊ CẢNH LÂM	CTK3	80	1	13			55	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
11	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	CTK3	82-83	2	14			60	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
12	LƯU VĂN HAI	CTK3	85-86	2	11			76	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
13	LÊ VĂN TUẤN	CTK3	76-77	2	14			73	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
14	ĐINH HỒNG THẮNG	CTK3						75	SANBAY	Vietnamese
15	PHAN VĂN TUẤN	CTK3	87-89	3	19			78	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC VIỆT	CTK3	90	1	6	1	18	61	PSV	Vietnamese
17	LÊ DUY HẢI	CTK3	81	1	5			74	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG MINH	BK9	45	1	9	2	30	66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	5	354	8	83	3	61	2		
2	CTK3	12	796	18	129	1	18	18		ĐIỀU PHẢI: NGUYỄN MAI SƠN
3	BK9	1	66	1	9	2	30	1		
4	RP1	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		18	1.216	27	221	6	109	22		
WEIGHT KG			1.216		221		109			

GRAND TOAL: 1.546 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGÔ VĂN LINH

MAI VĂN THAO

